



Quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường tiểu học Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Vũ Nhật Linh

Trường Tiểu học Trần Văn Đang, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 06/10/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 24/11/2024

Ngày nhận đăng: 28/11/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Bảo vệ môi trường

Hoạt động trải nghiệm

Học sinh tiểu học

TÓM TẮT

Mục đích của bài báo này là đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường (BVMT) thông qua hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho học sinh (HS) các trường tiểu học Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM). Mẫu nghiên cứu bao gồm 298 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) hiện đang công tác tại các trường tiểu học Quận 3, TPHCM. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được thực hiện để thu thập dữ liệu với những câu hỏi được thiết kế trên thang likert 5 điểm. Phần mềm SPSS 20 được sử dụng để phân tích thống kê mô tả. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nội dung quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN tại địa bàn nghiên cứu được thực hiện từ thường xuyên đến rất thường xuyên với kết quả đạt được từ khá đến tốt. Trên cơ sở thực trạng, bài báo đã đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS các trường tiểu học tại Quận 3, TPHCM.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

BVMT đề cập đến các hoạt động như bảo tồn, gìn giữ và quản lý tài nguyên. Những hoạt động này nhằm hỗ trợ sự bền vững lâu dài của các hệ sinh thái, từ đó đảm bảo sức khỏe và phúc lợi cho các thế hệ hiện tại và tương lai. Theo đó, cần thực hiện các hành động (cụ thể là BVMT tự nhiên) để ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại đối với môi trường, tài nguyên và đa dạng sinh học, đồng thời duy trì sự cân bằng sinh thái (Vladova, 2023). BVMT là một yếu tố quan trọng đối với sự phát triển bền vững của nhân loại. Để đạt được mục tiêu này, cần hình thành thái độ và thúc đẩy các hành vi giúp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên thông qua việc sử dụng có trách nhiệm và giảm thiểu tác động tiêu cực từ các hoạt động của con người đến môi trường. Những thái độ và hành vi như vậy có thể được đạt được thông qua giáo dục, nâng cao nhận thức, và thay đổi thái độ của con người đối với môi trường (Vladova, 2023). Việc giáo dục BVMT cho HS, đặc biệt là HS tiểu học, đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi nhận thức của con người, góp phần xây dựng một môi trường xã hội ngày càng xanh – sạch – đẹp. Để đáp ứng nhu cầu này, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các Sở Giáo dục và Đào tạo đã có những chỉ đạo cụ thể về công tác giáo dục BVMT thông qua các văn bản chỉ đạo, công văn và chỉ thị, bao gồm: Chỉ thị số 02/2005/CT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 31 tháng 1 năm 2005 về việc tăng cường công tác giáo dục BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2005), Nghị quyết 35/NQ-CP năm 2013 về các vấn đề cấp bách trong lĩnh vực BVMT (Chính phủ, 2013), và Luật BVMT năm 2020 (Quốc hội, 2020).

HĐTN là những hoạt động mà trong đó người tham gia trực tiếp trải qua và tương tác với các tình huống, môi trường, hoặc vấn đề thực tế để học hỏi, phát triển kỹ năng và nâng cao nhận thức. Thay vì chỉ tiếp thu thông tin một chiều, hoạt động này khuyến khích sự tham gia chủ động của cá nhân, giúp họ xây dựng kinh nghiệm và kiến thức thông qua việc làm thực tế (Zaki, 2012). Theo chương trình GDPT năm 2018, hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ

Tác giả liên hệ: Vũ Nhật Linh;

Địa chỉ e-mail: vunhatlinh0902@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.109.2025>

hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai (Bộ Giáo dục, 2018).

Quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN là việc tổ chức, điều phối và giám sát các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và hành vi BVMT cho người tham gia, thông qua việc tạo ra các cơ hội để họ trực tiếp trải nghiệm và tương tác với các tình huống, vấn đề môi trường thực tế (Hồ Văn Hoàng, 2022). Mục tiêu là giúp người học không chỉ hiểu lý thuyết về BVMT mà còn có thể áp dụng những kiến thức này vào thực tế, từ đó hình thành những thái độ và hành vi BVMT có trách nhiệm và bền vững. Quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhận thức và hành vi BVMT cho HS tiểu học. Thông qua các HĐTN, như tham quan các khu bảo tồn, trồng cây, dọn dẹp vệ sinh công cộng, HS không chỉ được trang bị kiến thức về môi trường mà còn có cơ hội thực hành và trực tiếp tham gia vào các hoạt động BVMT. Quản lý những hoạt động này giúp đảm bảo tính hiệu quả của quá trình học hỏi, đồng thời khuyến khích HS phát triển các kỹ năng quan sát, suy nghĩ phản biện và làm việc nhóm. Bên cạnh đó, việc tham gia vào các hoạt động này giúp HS nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ thiên nhiên, từ đó hình thành thái độ và hành vi có trách nhiệm đối với môi trường ngay từ khi còn nhỏ. Hơn nữa, quản lý hiệu quả các hoạt động này cũng góp phần tạo ra một môi trường học tập tích cực, giúp HS phát triển toàn diện cả về trí tuệ và kỹ năng sống.

Tới nay, một số nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục BVMT cho HS ở các trường tiểu học tại Quảng Bình (Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, 2023), thực trạng quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học tại Thừa Thiên Huế (Hồ Văn Hoàng, 2022). Tuy nhiên, còn thiếu những nghiên cứu về quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học tại Quận 3, TPHCM. Xuất phát từ tầm quan trọng của giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học đối với sự phát triển nhân cách và tri thức của trẻ, cùng với thực tiễn yêu cầu tại địa phương, nghiên cứu về quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học Quận 3, TPHCM không chỉ mang ý nghĩa thực tiễn mà còn góp phần bổ sung vào khoảng trống trong hệ thống nghiên cứu hiện nay.

2. MẪU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mẫu nghiên cứu: Tổng số người tham gia khảo sát là 298 người, bao gồm 250 giáo viên, 14 cán bộ quản lý (hiệu trưởng và hiệu phó), và 34 cán bộ giữ chức tổ trưởng hoặc chuyên môn tại các trường tiểu học trên địa bàn Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Các trường tiểu học tham gia khảo sát bao gồm: Trần Văn Đương, Phan Văn Hân, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Trần Quang Diệu, Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Thanh Tuyền, Nguyễn Thị, và Kỳ Đồng, với số lượng giáo viên dao động từ 10 đến 64 người tùy từng trường.

Phương pháp khảo sát và xử lý số liệu: Nghiên cứu sử dụng phiếu khảo sát để thu thập ý kiến đánh giá của CBQL và GV về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS các trường tiểu học tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Các câu hỏi được thiết kế trên thang likert 5 điểm từ 1 (không bao giờ/ kém) đến 5 (rất thường xuyên/ tốt) thể hiện mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các nội dung được khảo sát. Sau khi thu thập, các phiếu khảo sát được kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm SPSS 20.0 để xử lý số liệu. Phương pháp phân tích sử dụng thống kê mô tả với các thông số cơ bản như: điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC). Điểm số các câu hỏi được quy đổi theo thang đo 5 bậc, với điểm thấp nhất là 1 và cao nhất là 5. Giá trị khoảng cách giữa các bậc được tính bằng công thức: $(\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (5 - 1)/5 = 0,80$. Quy ước thang đo như sau: Rất thường xuyên/Tốt ($4,21 \leq M \leq 5,0$); Thường xuyên/Khá ($3,41 \leq M < 4,20$); Bình thường/Trung bình ($2,61 \leq M < 3,40$); Hiếm khi/Yếu ($1,81 \leq M < 2,60$); Không bao giờ/Kém ($1,0 \leq M < 1,80$).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý mục tiêu giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học Quận 3, TPHCM

Bảng 1 cho biết thực trạng quản lý mục tiêu GDBVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học Quận 3, TPHCM. Cụ thể như sau:

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các mục tiêu của hoạt động GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là rất thường xuyên với ĐTB dao động từ 4,28 đến 4,33. Thứ tự các mục tiêu được sắp xếp theo ĐTB từ cao xuống thấp như sau: Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục trong nhà trường xác định rõ mục tiêu

GDMT qua các môn học (4,33); Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục trong nhà trường xác định rõ mục tiêu GDMT qua HĐTN (4,32); Hiệu trưởng tổ chức tuyên truyền, quán triệt mục tiêu GDMT thông qua trải nghiệm đến các lực lượng giáo dục trong nhà trường (4,31); Hiệu trưởng kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu GDMT thông qua trải nghiệm đã đề ra (4,28).

Bảng 1. Thực trạng quản lý mục tiêu GDBVMT thông qua HĐTN cho HS

Quản lý mục tiêu GDBVMT thông qua HĐTN cho HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục trong nhà trường xác định rõ mục tiêu GDMT qua các môn học	4,33	0,68	4,27	0,69
Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục trong nhà trường xác định rõ mục tiêu GDMT qua HĐTN	4,32	0,59	4,28	0,72
Hiệu trưởng tổ chức tuyên truyền, quán triệt mục tiêu GDMT thông qua trải nghiệm đến các lực lượng giáo dục trong nhà trường	4,31	0,71	4,18	0,71
Hiệu trưởng kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu GDMT thông qua trải nghiệm đã đề ra	4,28	0,65	4,30	0,73

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các mục tiêu của hoạt động GDBVMT thông qua HĐTN cho HS từ khá đến tốt với ĐTB dao động từ 4,18 đến 4,30. Thứ tự các mục tiêu được sắp xếp theo ĐTB từ cao xuống thấp như sau: Hiệu trưởng kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu GDMT thông qua trải nghiệm đã đề ra (4,30); Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục trong nhà trường xác định rõ mục tiêu GDMT qua HĐTN (4,28); Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục trong nhà trường xác định rõ mục tiêu GDMT qua các môn học (4,28); Hiệu trưởng tổ chức tuyên truyền, quán triệt mục tiêu GDMT thông qua trải nghiệm đến các lực lượng giáo dục trong nhà trường (4,18). Việc quản lý thực hiện mục tiêu GDBVMT thông qua HĐTN đạt mức từ khá đến tốt cho thấy rằng các chương trình giáo dục này đã được triển khai hiệu quả và có sự quan tâm, đầu tư đúng mức từ các cơ quan quản lý giáo dục. Điều này không chỉ phản ánh sự cam kết của các giáo viên và nhà trường trong việc trang bị kiến thức và kỹ năng cho HS về BVMT, mà còn cho thấy sự phối hợp tích cực giữa gia đình, cộng đồng và các tổ chức liên quan. Kết quả này có thể góp phần tạo ra nhận thức bền vững về BVMT trong HS, từ đó hình thành thói quen và hành vi tích cực trong cuộc sống hàng ngày.

3.2. Thực trạng quản lý nội dung giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học Quận 3, TPHCM

Bảng 2 đánh giá mức độ thực hiện và kết quả thực hiện của quản lý nội dung GDBVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học Quận 3, TPHCM như sau:

Bảng 2. Thực trạng quản lý nội dung GDBVMT thông qua HĐTN cho HS

Quản lý nội dung GDBVMT thông qua HĐTN cho HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục xây dựng, xác định rõ các nội dung GDMT tương ứng với 2 hình thức lồng ghép, tích hợp và trải nghiệm	4,14	0,81	4,18	0,77
Hiệu trưởng tổ chức phân công các bộ phận đảm trách các nội dung	4,36	0,65	4,27	0,69
Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai các nội dung GDMT thông qua trải nghiệm cho HS đến các lực lượng giáo dục trong nhà trường	4,32	0,76	4,23	0,72
Kiểm tra việc thực hiện nội dung GDMT thông qua trải nghiệm cho HS của giáo viên	4,34	0,71	4,02	0,74

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các nội dung của quản lý nội dung GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là từ thường xuyên đến rất thường xuyên với ĐTB dao động từ 4,14 đến 4,36. Thứ tự được sắp xếp theo ĐTB từ thấp đến như sau: Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục xây dựng, xác định rõ các nội dung GDMT tương ứng với 2 hình thức lồng ghép, tích hợp và trải nghiệm (4,14); Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai các nội dung GDMT thông qua trải nghiệm cho HS đến các lực lượng giáo dục trong nhà trường (4,32); Kiểm tra việc thực hiện nội dung GDMT thông qua trải nghiệm cho HS của giáo viên (4,34); Hiệu trưởng tổ chức phân công các bộ phận đảm trách các nội dung (4,36). Điều này cho thấy các nội dung quản lý giáo dục BVMT thông qua HĐTN được thực hiện một cách nhất quán và liên tục trong nhà trường, phản ánh sự cam kết của ban lãnh đạo trong việc thúc đẩy các hoạt động giáo dục này. Mặc dù một số nội dung đạt mức thực hiện thấp hơn, nhưng điều này chỉ ra rằng vẫn còn cơ hội để cải thiện và nâng cao sự tham gia của các lực

lượng giáo dục, nhằm đảm bảo rằng tất cả các nội dung đều được triển khai một cách hiệu quả và đồng bộ hơn.

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các nội dung của quản lý nội dung GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là từ mức khá đến tốt với ĐTB dao động từ 4,02 đến 4,27. Trong đó, hai nội dung được thực hiện ở mức tốt gồm: Hiệu trưởng tổ chức phân công các bộ phận đảm trách các nội dung (4,27), Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai các nội dung GDMT thông qua trải nghiệm cho HS đến các lực lượng giáo dục trong nhà trường (4,23). Hai nội dung được thực hiện mức khá gồm: Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục xây dựng, xác định rõ các nội dung GDMT tương ứng với 2 hình thức lồng ghép, tích hợp và trải nghiệm (4,18) và Kiểm tra việc thực hiện nội dung GDMT thông qua trải nghiệm cho HS của giáo viên (4,02). Điều này cho thấy sự quan tâm và cam kết của ban lãnh đạo nhà trường trong việc quản lý và triển khai giáo dục BVMT thông qua HĐTN. Sự phân công rõ ràng và chỉ đạo cụ thể từ hiệu trưởng đối với các bộ phận liên quan cho thấy một hệ thống quản lý hiệu quả, giúp các lực lượng giáo dục trong nhà trường có thể phối hợp nhịp nhàng để thực hiện các nội dung giáo dục một cách đồng bộ. Mặc dù có những nội dung chỉ đạt mức khá, nhưng điều này cũng phản ánh sự cần thiết phải tiếp tục cải thiện và hoàn thiện các hoạt động giáo dục, nhằm đảm bảo rằng tất cả các giáo viên và HS đều có thể tham gia vào các trải nghiệm liên quan đến BVMT một cách hiệu quả. Kết quả này cũng nhấn mạnh vai trò của việc đánh giá, kiểm tra thường xuyên để điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục môi trường trong nhà trường.

3.3. Thực trạng quản lý phương thức giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học Quận 3, TPHCM

Bảng 3 đánh giá mức độ thực hiện và kết quả thực hiện của quản lý phương thức GDBVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học Quận 3, TPHCM như sau:

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các nội dung của quản lý phương thức GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là thường xuyên với ĐTB dao động từ 4,16 đến 4,19. Nội dung “Tổ chức họp lấy ý kiến các thành viên chủ chốt của nhà trường về các phương thức trải nghiệm GDMT” được thực hiện thường xuyên nhất (4,19) và nội dung “Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên nắm vững phương thức GDMT thông qua trải nghiệm” và “Kiểm tra việc sử dụng phương thức GDMT của giáo viên thông qua soạn giáo án, tổ chức giảng dạy, việc tổ chức các HĐTN” (4,16) được thực hiện ít thường xuyên nhất trong số 5 nội dung chúng tôi đưa ra.

Bảng 3. Thực trạng quản lý phương thức GDBVMT thông qua HĐTN cho HS

Quản lý phương thức GDBVMT thông qua HĐTN cho HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Xác định phương thức GDMT qua việc lồng ghép, tích hợp vào các môn học	4,18	0,77	4,19	0,80
Xác định các phương thức trải nghiệm để GDMT cho HS	4,18	0,75	4,15	0,83
Tổ chức họp lấy ý kiến các thành viên chủ chốt của nhà trường về các phương thức trải nghiệm GDMT	4,19	0,79	4,15	0,78
Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên nắm vững phương thức GDMT thông qua trải nghiệm.	4,16	0,80	4,18	0,75
Kiểm tra việc sử dụng phương thức GDMT của giáo viên thông qua soạn giáo án, tổ chức giảng dạy, việc tổ chức các HĐTN	4,16	0,71	4,24	0,71

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các nội dung của quản lý phương thức GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là từ khá đến tốt với ĐTB dao động từ 4,15 đến 4,24. Trong đó, nội dung “Kiểm tra việc sử dụng phương thức GDMT của giáo viên thông qua soạn giáo án, tổ chức giảng dạy, việc tổ chức các HĐTN” được thực hiện ở mức tốt (ĐTB = 4,24) và ba nội dung còn lại được thực hiện ở mức khá với ĐTB từ 4,15 đến 4,19. Điều này cho thấy các nội dung quản lý phương thức GDBVMT thông qua HĐTN đang được thực hiện hiệu quả, với sự tập trung cao vào việc kiểm tra và đánh giá sự áp dụng của giáo viên trong giảng dạy. Mặc dù nội dung kiểm tra giáo viên đạt mức tốt, các nội dung còn lại ở mức khá cho thấy có những lĩnh vực cần cải thiện. Sự phân bổ điểm trung bình này cho thấy sự cam kết trong việc nâng cao chất lượng giáo dục môi trường, đồng thời cũng chỉ ra rằng cần tiếp tục nỗ lực để tối ưu hóa các phương thức giảng dạy và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giáo viên trong việc triển khai các HĐTN.

3.4. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học Quận 3, TPHCM

Bảng 4 đánh giá mức độ thực hiện và kết quả thực hiện của quản lý các điều kiện hỗ trợ GDBVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học Quận 3, TPHCM như sau:

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các nội dung của quản lý các điều kiện hỗ trợ GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là thường xuyên với ĐTB dao động từ 4,05 đến 4,22. Xếp hạng nội dung trong quản lý điều kiện hỗ trợ từ cao xuống thấp là: Phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội trong tổ chức GDMT thông qua trải nghiệm (4,22); Huy động nguồn lực từ địa phương (4,18), Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên có năng lực, kỹ năng, kiến thức trong tổ chức các HĐTN để GDMT cho HS (4,14), Huy động nguồn lực từ cha mẹ học sinh (4,12); Chuẩn bị điều kiện tài chính, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị cho GDMT thông qua trải nghiệm (4,05). Phối hợp lực lượng xã hội trong tổ chức GDMT thông qua HĐTN đánh giá thực hiện rất thường xuyên cho thấy nhà trường đã có những chủ trương, phương thức phối hợp với các lực lượng bên ngoài để tham gia vào hoạt động GDBVMT thông qua HĐTN, giúp cải thiện về nguồn lực và chất lượng hoạt động. Chuẩn bị điều kiện tài chính, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị cho GDMT thông qua trải nghiệm là nội dung xếp hạng thấp nhất cho thấy lộ trình thực hiện đa phần mang tính cố định và có hạn chế về cơ sở vật chất tại cơ sở.

Bảng 4. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ GDBVMT thông qua HĐTN cho HS

Quản lý điều kiện hỗ trợ GDBVMT thông qua HĐTN cho HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên có năng lực, kỹ năng, kiến thức trong tổ chức các HĐTN để GDMT cho HS	4,14	0,80	4,10	0,80
Chuẩn bị điều kiện tài chính, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị cho GDMT thông qua trải nghiệm	4,05	0,77	4,18	0,81
Huy động nguồn lực từ cha mẹ học sinh.	4,12	0,76	4,14	0,75
Huy động nguồn lực từ địa phương	4,18	0,71	3,98	0,71
Phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội trong tổ chức GDMT thông qua trải nghiệm	4,22	0,76	4,10	0,79

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các nội dung của quản lý điều kiện hỗ trợ GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là từ khá đến tốt với ĐTB dao động từ 4,10 đến 4,18. Mức độ kết quả thực hiện được xếp hạng từ cao đến thấp bao gồm: Chuẩn bị điều kiện tài chính, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị cho GDMT thông qua trải nghiệm (4,18), Huy động nguồn lực từ cha mẹ học sinh (4,14), Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên có năng lực, kỹ năng, kiến thức trong tổ chức các HĐTN để GDMT cho HS và Phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội trong tổ chức GDMT thông qua trải nghiệm (4,10), Huy động nguồn lực từ địa phương (3,98).

Thông qua bảng số liệu cho thấy kết quả thực hiện quản lý các điều kiện hỗ trợ GDBVMT thông qua HĐTN thực hiện ở mức khá đến tốt cho thấy rằng nhà trường có sự quan tâm nhất định đến hoạt động GDBVMT tại cơ sở, cũng như tận dụng tối đa nguồn lực hiện hữu để triển khai phương thức phù hợp. Được xếp hạng thấp với ĐTB là 3,98 khi đánh giá kết quả huy động nguồn lực từ địa phương cho thấy khả năng tham gia của các đơn vị trong khu vực vẫn còn nhiều hạn chế, hoặc gặp khó khăn trong tiếp cận, trao đổi và thống nhất về phương thức triển khai các nội dung liên quan.

3.5. Thực trạng quản lý phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học Quận 3, TPHCM

Bảng 5 đánh giá mức độ thực hiện và kết quả thực hiện của quản lý các lực lượng tham gia GDBVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học Quận 3, TPHCM như sau:

Bảng 5. Thực trạng quản lý phối hợp các lực lượng tham gia GDBVMT thông qua HĐTN cho HS

Quản lý phối hợp các lực lượng tham gia GDBVMT thông qua HĐTN cho HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Xây dựng kế hoạch phối hợp trong hoạt động GDMT cho HS thông qua trải nghiệm	4,25	0,74	4,18	0,73
Xác định các nội dung cần phối hợp trong GDMT cho HS thông qua trải nghiệm	4,22	0,75	4,20	0,78
Xác định trách nhiệm của từng lực lượng tham gia GDMT cho HS thông qua trải nghiệm	4,20	0,74	3,99	0,82
Xây dựng cơ chế phối hợp trong GDMT cho HS thông qua trải nghiệm	4,05	0,77	4,11	0,72
Huy động sự tham gia của các lực lượng giáo dục trong GDMT cho HS thông qua trải nghiệm	4,07	0,83	4,20	0,70

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các nội dung của quản lý các lực lượng tham gia GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là thường xuyên đến rất thường xuyên với ĐTB dao động từ 4,05 đến 4,25. Xây dựng kế hoạch phối hợp trong hoạt động GDMT cho HS thông qua HĐTN xếp thứ nhất với ĐTB là 4,25 cho thấy cơ sở giáo dục trên địa bàn Quận 3 luôn có những kế hoạch hằng năm, quý cho các hoạt động và đề xuất những đơn vị phối hợp phù hợp. Bên cạnh đó, nội dung về xây dựng cơ chế phối hợp trong GDMT cho HS thông qua HĐTN được xếp hạng 5 với ĐTB là 4,05 phản ánh việc xây dựng cơ chế phối hợp trong thời gian qua tương đối thường xuyên, có những kế hoạch liên quan nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động giáo dục.

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các nội dung của quản lý các lực lượng tham gia GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là khá ĐTB dao động từ 3,99 đến 4,20. Theo đó, xây dựng các nội dung phối hợp trong GDMT cho HS thông qua trải nghiệm và huy động sự tham gia của các lực lượng giáo dục trong GDMT được đánh giá khá và xếp hạng 1 với ĐTB là 4,20 cho thấy rằng hiệu trưởng và giáo viên tại trường đã có sự chuẩn bị chi tiết trong việc triển khai nội dung liên quan, từ đó đề xuất một số lực lượng tham gia để đảm bảo hiệu quả. Tuy nhiên, xác định trách nhiệm của từng lực lượng tham gia GDMT cho HS thông qua trải nghiệm chưa được đánh giá cao khi kết quả thực hiện xếp hạng 5 với ĐTB là 3,99, cho thấy thiết lập kế hoạch chưa phản ánh đầy đủ nhiệm vụ, trách nhiệm của các lực lượng tham gia vào GDBVMT cho HS thông qua HĐTN, mà vẫn còn phụ thuộc rất nhiều vào chủ thể như giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn.

3.6. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học Quận 3, TPHCM

Bảng 6 đánh giá mức độ thực hiện và kết quả thực hiện của quản lý công tác kiểm tra, đánh giá GDBVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học Quận 3, TPHCM như sau:

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các nội dung của quản lý công tác kiểm tra, đánh giá GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là thường xuyên với ĐTB dao động từ 4,07 đến 4,15, trong đó nội dung xây dựng, phổ biến tiêu chí đánh giá GDMT thông qua HĐTN có mức ĐTB cao nhất (4,15) cho thấy mức độ thường xuyên trong việc đề xuất các tiêu chí đánh giá khác nhau, phù hợp với nội dung giáo dục BVMT cũng như tương ứng với phương thức triển khai. Kiểm tra thông qua việc tổ chức các HĐTN về GDMT cho HS có ĐTB là 4,07. Điều này cho thấy mặc dù việc kiểm tra thông qua tổ chức các HĐTN về giáo dục bảo vệ môi trường cho HS được thực hiện ở mức thường xuyên, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu cao. Điểm trung bình thấp nhất trong số các nội dung phản ánh rằng có thể có sự thiếu hụt trong việc tổ chức hoặc đánh giá hiệu quả của các HĐTN. Điều này cũng chỉ ra rằng cần có sự cải thiện trong việc thiết kế, triển khai và theo dõi các hoạt động này, nhằm nâng cao tính hiệu quả và sự tham gia của HS trong quá trình giáo dục bảo vệ môi trường.

Bảng 6. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá GDBVMT thông qua HĐTN cho HS

Quản lý công tác kiểm tra đánh giá GDBVMT thông qua HĐTN cho HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Xây dựng kế hoạch kiểm tra	4,11	0,83	4,15	0,79
Phổ biến, công khai kế hoạch kiểm tra	4,12	0,75	4,20	0,70
Xây dựng, phổ biến tiêu chí đánh giá GDMT thông qua HĐTN	4,15	0,74	4,16	0,78
Kiểm tra thông qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm về GDMT cho HS	4,07	0,84	4,18	0,79
Tổ chức nhận xét, tổng kết khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích tốt, rút kinh nghiệm	4,15	0,79	4,18	0,80

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các nội dung của quản lý quản lý công tác kiểm tra, đánh giá GDBVMT thông qua HĐTN cho HS là khá ĐTB dao động từ 4,15 đến 4,20. Kết quả thực hiện ở nội dung phổ biến, công khai kế hoạch kiểm tra được xếp thứ 1 với ĐTB là 4,20 cho thấy nhà trường đã có những phương thức triển khai phù hợp, đầy đủ, minh bạch đối với hoạt động GDBVMT thông qua HĐTN. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra (4,15) và phổ biến tiêu chí đánh giá giáo dục bảo vệ môi trường thông qua HĐTN có mức điểm trung bình thấp nhất (4,16) cho thấy có thể có sự thiếu hụt trong sự rõ ràng và hiệu quả của các tiêu chí này. Điều này có thể dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá đúng mức độ hiệu quả của các HĐTN, từ đó ảnh hưởng đến khả năng điều chỉnh và cải tiến chương trình giáo dục. Sự cần thiết trong việc phát triển các tiêu chí đánh giá rõ ràng, phù hợp và được phổ biến rộng rãi là rất quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục bảo vệ môi trường cho HS.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy các nội dung quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN tại địa bàn nghiên cứu được thực hiện từ thường xuyên đến rất thường xuyên với kết quả đạt được từ khá đến tốt. Trên cơ sở thực trạng, bài báo đã đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS các trường tiểu học tại Quận 3. Các biện pháp đó bao gồm: (1) Nâng cao nhận thức cho CBQL và GV về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường thông qua HĐTN cho học sinh tiểu học; (2) Tăng cường tổ chức và chỉ đạo thực hiện thường xuyên nội dung giáo dục bảo vệ môi trường thông qua HĐTN cho học sinh tiểu học, (3) Tích cực tổ chức và chỉ đạo đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường thông qua HĐTN cho học sinh tiểu học; (4) Tăng cường thực hiện công tác đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường thông qua HĐTN cho học sinh tiểu học; (5) Đảm bảo tốt cơ sở vật chất, điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường thông qua HĐTN cho học sinh tiểu học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2005). *Chỉ thị số 02/2005/CT-BGDĐT ngày 31 tháng 01 năm 2005 về việc tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*
- Chính phủ. (2013). *Nghị quyết số 35/NQ-CP năm 2013 về các vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.*
- Hồ, V. H. (2022). *Quản lý giáo dục môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế* (Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế).
- Nguyễn, T. Á. N. (2023). Quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 2(293), 148–150.
- Quốc hội. (2020). *Luật bảo vệ môi trường* (Số 72/2020/QH14).
- Vladova, I. (2023). Understanding students' perspectives on environmental protection: Insights from an empirical study. In B. Stoykova & D. Stoyancheva (Eds.), *SHS Web of Conferences* (Vol. 176, Article 01008). <https://doi.org/10.1051/shsconf/202317601008>
- Zaki, J. (2012). The curious perils of seeing the other side. *Scientific American Mind*, 23(3), 20–21. <https://doi.org/10.1038/scientificamericanmind0712-20>

Management of environmental protection education activities through experiential learning for primary school students in District 3, Ho Chi Minh City

Vu Nhat Linh

Tran Van Dang Primary School, District 3, Ho Chi Minh City

ARTICLE INFO

Article history:

Received 06 October 2024

Received in revised form 24 November 2024

Accepted 28 November 2024

Published 20 December 2025

Keywords:

Environmental protection

Experiential learning

Primary school students

Corresponding author:

Vu Nhat Linh

E-mail address:

vunhatlinh0902@gmail.com

ABSTRACT

The purpose of this article is to evaluate the current status of environmental protection education activities through experiential learning for primary school students in District 3, Ho Chi Minh City. The research sample includes 298 managers and teachers currently working at primary schools in District 3, Ho Chi Minh City. A survey method using a questionnaire was conducted to collect data with questions designed on a 5-point Likert scale. SPSS 20 software was used to perform descriptive statistical analysis. The research results indicate that the management of environmental protection education activities through experiential learning in the study area is carried out from regularly to very frequently, with outcomes ranging from fair to good. Based on this situation, the article proposes several management measures for environmental protection education activities through experiential learning for primary school students in District 3.